TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **29** /2019/ DS-ST
Ngày: 18-3-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Tú Anh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thành**

2. Ông **Nguyễn Văn Tám**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Đặng Thị Thùy Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:* Không có tham gia.

Ngày 18 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2019/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp Hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc G**, sinh năm 1972. (Có mặt)

HKTT: tổ 5, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Chổ ở hiện nay: ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang

2. Bị đơn: Bà **Đoàn Thị H**, sinh năm 1948. (Có mặt)

Anh **Đặng Thành T**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã P, huyện K, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc G tại đơn khởi kiện trình bày: Ngày 30/12/2016 bà H và anh T đến nhà mượn 63.500.000đồng. Qua 30 ngày bà

không có tiền trả nên chị cho bà thời gian đến ngày 26/6/2017 trả vốn và trả lãi 1%/ tháng, bà H nhờ chị viết biên nhận nhận tiền, trong biên nhận ghi trả lãi 10% là do chị ghi nhầm. Biên nhận lập ngày 26/5/2017, bà H và con là anh T cùng ký tên. Từ đó đến nay bà H và anh T không trả tiền cho chị. Chị yêu cầu bà H và anh T trả chị 63.500.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại biên bản hòa giải, chị G chỉ yêu cầu bà H, anh T trả 53.500.000đồng nhưng yêu cầu bà H, anh T trả làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay chị G vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ban đầu yêu cầu bà H, anh T trả 63.500.000đồng khi án có hiệu lực pháp luật chị không đồng ý cho bà H, anh T trả 53.500.000đồng như biên bản hòa giải ngày 25/02/2019.

- Bị đơn bà Đoàn Thị H tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Bà làm đầu thảo hụi, chị G là hụi viên. Khi chị G hốt hụi bà không có tiền giao cho chị G nên chị G viết biên nhận đưa cho bà và con bà ký. Bà Đồng ý trả chị G 53.500.000đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

- Bị đơn anh Đặng Thành T tại bản tự khai, biên bản hòa giải trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của bà H. Anh đồng ý trả chị G 53.500.000đồng nhưng xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000đồng.

Tại phiên tòa hôm nay cả bà H và anh T đồng ý trả chị G 63.500.000đồng nhưng xin trả dần mỗi 06 tháng trả 10.000.000đồng đến khi xong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ tranh chấp: tại đơn khởi kiện chị G xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng vay tài sản do bà H và anh T đã ký vào giấy mượn tiền. Tuy nhiên trong quán trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đều thống nhất số tiền bà H, anh T nợ chị G thực chất là tiền hụi mà chị G hốt được nhưng phía bà H, anh T do bể hụi nên không giao đầy đủ cho chị nên mới ký biên nhận với chị làm tin. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay cả 02 bên đương sự đều thống nhất bà H, anh T còn nợ chị G 63.500.000đồng. Tuy nhiên, chị G yêu cầu bà H, anh T trả 63.500.000đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật. Còn bà H, anh Tg đồng ý trả 63.500.000đồng nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được trả dần 06 tháng trả 10.000.000đồng đến khi xong nợ. Việc bà H, anh T thừa nhận còn nợ chị G 63.500.000đồng là tình tiết không phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, khi chị G hốt hụi(vào ngày 30/12/20116 âm lịch) do bà H làm đầu thảo, bà đã không giao tiền hụi đầy đủ, còn nợ lại 63.500.000đồng. Bà và anh T cũng ký vào biên nhận và cam kết thời gian trả tiền cho chị G. Tuy nhiên, đã đến thời gian cam kết nhưng bà H,

anh T vẫn không thực hiện việc trả tiền hụi cho chị G. Việc bà H, anh T xin trả dần là cố tình kéo dài thời gian gây thiệt thòi quyền lợi của G, việc này cũng không được chị G đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trong vụ án này. Các đương sự cũng có quyền thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử buộc bà H, anh T trả cho chị G 63.500.000đồng là có cơ sở.

Về án phí: Hoàn lại cho chị G số tiền tạm ứng án phí đã đóng do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận. Bà H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Ngọc Giàu .

- Buộc bà Đoàn Thị H, anh Đặng Thành T phải trả cho Nguyễn Ngọc G số tiền là 63.500.000.000đồng (sáu mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị G có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà H, anh T chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 357 Bộ Luật dân sự tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về án phí: Bà Đoàn Thị H, anh Đặng Thành T phải chịu 3.175.000đồng (Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Nguyễn Ngọc G 1.587.000đồng (Một triệu năm trăm tám mươi bày nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 09761 ngày 15/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

- Về thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Cái Bè;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Bè;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

TRẦN TÚ ANH